

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Phúc và bà Lê Thị Huyền;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện P;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: thôn N, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn:** Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn N, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng:**

+ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Lưu Thị M, sinh năm 1962; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn N, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị A; biên bản lấy lời khai của bị đơn Anh Vũ Văn Đ trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Đ trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện P ngày 15/4/2014 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, theo như chị A và anh Đ trình bày: tình cảm vợ chồng anh chị bình thường, đến khoảng năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng chung sống với nhau gần 05 năm nhưng không có con, khi anh chị đi khám sức khỏe được biết anh Đ không có khả năng sinh con. Từ đó, tình cảm vợ chồng anh chị sống lạnh nhạt dần, không còn quan tâm đến nhau nữa. Cũng từ năm 2019, Anh chị sống ly thân nhau, mỗi người một cuộc sống riêng, không còn chung sống hay liên lạc với nhau nữa. Nay chị A xác định không còn

tình cảm với anh Đ, chị A có đơn xin ly hôn anh Đ, anh Đ cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị A nên anh Đ cũng nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Chị A và anh Đ có chung quan điểm xác nhận, vợ chồng anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị A và anh Đ có chung quan điểm xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị H (là mẹ đẻ của chị A) và bà Lưu Thị M (là mẹ đẻ của anh Đ) trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị A và anh Đ chủ yếu do hai anh chị không có con chung với nhau, chị A và anh Đ đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, cả hai anh chị không còn liên lạc hay quan tâm đến nhau nữa. Bà H và bà M đều xác nhận, gia đình không liên quan gì đến vấn đề tài sản với vợ chồng chị A và anh Đ nên gia đình không có yêu cầu, đề nghị gì. Bà H và bà M đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt hai bà theo quy định pháp luật.

UBND xã Q cung cấp thông tin: Chị A và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 15/4/2014 theo đúng quy định pháp luật. Chị A và anh Đ không có con chung. Địa phương không nắm được vợ chồng chị A và anh Đ mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt, trong đó: nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; người làm chứng trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng đều trình bày quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 01/2024/NQ -HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn cho chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Văn Đ. Về con chung: Chị A và anh Đ không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị A nhận chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Vũ Văn Đ có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn N, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Chị A có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đ, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A và bị đơn anh Vũ Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt; người làm chứng bà Lưu Thị M và bà Phạm Thị H đều trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện P vào ngày 15/4/2014 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và Anh Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng giữa hai Anh chị bình thường, đến năm 2019 hai anh chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai anh chị không có khả năng có con chung với nhau, từ đó tình cảm vợ chồng giữa hai anh chị lạnh nhạt dần. Cũng từ năm 2019 cho đến nay, chị A và anh Đ sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm và không ai còn trách nhiệm với ai. Chị A xác định không còn tình cảm vợ chồng nên có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Đ, anh Đ cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị A nên anh cũng nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A và anh Đ đã sống ly thân nhau nhiều năm nay, không có cuộc sống chung và không còn trách nhiệm với nhau nữa. Chị A có đơn khởi kiện xin ly hôn Anh Đ, anh Đ có quan điểm nhất trí ly hôn với chị A nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn cho chị A và anh Đ theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Chị A và anh Đ đều xác nhận, hai anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị A và anh Đ đều xác nhận, anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Việc

ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các bên đương sự thì buộc các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí theo quy định). Tuy nhiên, do chị A tự nguyện nhận chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn, HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của chị A nên cần được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Văn Đ.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Văn Đ xác nhận, hai anh chị không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị A nhận chịu toàn bộ 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/2024/0004594 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, chị A đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả chị Nguyễn Thị A 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAD tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Mạnh Quyền